

DANH SÁCH LỚP HỌC PHẦN KHÔNG ĐƯỢC MỞ
DO SĨ SỐ NHỎ HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025 ĐỢT BỔ SUNG (MÃ HK: 2433)

STT	Học kỳ	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Thứ	Giờ BD	Giờ KT	PHÒNG - CƠ SỞ HỌC	Sĩ số
1	2433	2240	ART201DV01	0100	Hình họa mỹ thuật 2	T4	7:50:00	11:30:00	Phòng 603 - CS Cao Thắng	0
2	2433	3177	BA101DE01	0100	Microeconomics	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 503 - Nguyễn Văn Tráng	0
3	2433	2232	BA102DE01	0100	Macroeconomics	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 503 - Nguyễn Văn Tráng	3
4	2433	2233	BA104DE01	0100	Introduction to Management	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 303 - Nguyễn Văn Tráng	1
5	2433	2241	BA108DV01	0100	QT học và Đạo đức kinh doanh	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	7
6	2433	2241	BA108DV01	0100	QT học và Đạo đức kinh doanh	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	7
7	2433	2229	BA204DE01	0100	Change Management	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 503 - Nguyễn Văn Tráng	2
8	2433	2235	BA309DV01	0100	ERP trong kinh doanh	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 501 - Nguyễn Văn Tráng	3
9	2433	2234	BA401DV01	0100	Quản trị Cung ứng	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 204 - CS Quang Trung 2	1
10	2433	1071	DA304DE01	0200	Film Editing	T4	7:50:00	11:30:00	Phòng 605 - CS Cao Thắng	8
11	2433	2153	DA401DE01	0200	Advertising Illustration	T3	7:50:00	11:30:00	Phòng 704 - CS Cao Thắng	7
12	2433	2154	DA401DE01	0201	Advertising Illustration	T3	7:50:00	11:30:00	XX	7
13	2433	3175	DM304DV01	0100	Dẫn nhập môn Marketing KTS	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 006 - CS Thành Thái	3
14	2433	3173	DM306DE01	0100	E-Customer RM & Online Str.	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 404 - Nguyễn Văn Tráng	1
15	2433	1483	GD101DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 1	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 704 - CS Cao Thắng	8
16	2433	1485	GD202DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 3	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 704 - CS Cao Thắng	6
17	2433	2243	GD209DV01	0100	Tư duy Thiết kế	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 404 - CS Cao Thắng	1
18	2433	3225	GD213DV01	0100	Nghệ thuật chữ	T3T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 203 - CS Cao Thắng	0
19	2433	1552	GLAW101DV01	0100	Pháp luật Đại cương	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 044 - CS Thành Thái	0
20	2433	3279	GLAW204DV01	0100	Hệ thống CT & các VB Pháp luật	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	0
21	2433	2242	HM202DV01	0100	Nguyên lý Marketing trg DLKSNH	T7	13:00:00	15:30:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	0
22	2433	3188	HM302DV01	0100	Phát triển Nhân sự trg DLKSNH	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	0
23	2433	2230	HM308DE01	0100	Hospitality Sales Coach	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 604 - Nguyễn Văn Tráng	0
24	2433	1128	HM309DE01	0100	Contemporary Issues in HI	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	0
25	2433	2090	HRM203DE01	0200	Human Resource Management	T6	7:00:00	9:30:00	Phòng 305 - Nguyễn Văn Tráng	0
26	2433	2089	HRM308DV01	0100	Kinh tế nguồn Nhân lực	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 501 - Nguyễn Văn Tráng	0
27	2433	3227	IB201DE02	0100	International Trade	T6	15:50:00	18:20:00	Phòng 007 - CS Thành Thái	0

STT	Học kỳ	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Thứ	Giờ BD	Giờ KT	PHÒNG - CƠ SỞ HỌC	Sĩ số
28	2433	2205	IB202DV01	0100	Hội nhập & các Cam kết Quốc tế	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 009 - CS Thành Thái	0
29	2433	3167	IB301DV01	0100	Đầu tư Quốc tế	T5	18:30:00	21:00:00	Phòng 401 - Nguyễn Văn Tráng	0
30	2433	2152	IB402DE01	0200	Import-Export Management	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 602 - Nguyễn Văn Tráng	0
31	2433	2152	IB402DE01	0200	Import-Export Management	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 602 - Nguyễn Văn Tráng	0
32	2433	2213	JPS305DV01	0100	Đề án 2 Ứng dụng NBH chuyên ng				XX	0
33	2433	3148	KT303DE01	0100	Accounting Information System	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 114 - CS Quang Trung 2	0
34	2433	3149	KT310DE01	0100	Mngment Accounting&Decision I	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 404 - Nguyễn Văn Tráng	0
35	2433	3150	KT315DE01	0100	VN Financial Accounting System	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 009 - CS Thành Thái	0
36	2433	2206	KT405DV01	0100	ĐA: QT Kiểm Toán báo cáo TC				XX	0
37	2433	3151	KT451DV01	0100	Khóa luận Tốt nghiệp	T2T3T4T5T6	7:00:00	16:40:00	XX	0
38	2433	2214	LAW112DE01	0100	Laws on Com. Entities & Bank.	T2	15:50:00	18:20:00	Phòng 029 - CS Thành Thái	0
39	2433	2244	LAW114DE02	0100	Legal Terms in English				XX	0
40	2433	1713	LE131DV01	0200	Kỹ năng hội nhập quốc tế	T4	13:00:00	15:30:00	Hội trường 302 - CS Thành Thái	0
41	2433	1716	LE202DV01	0200	Tư duy Phân biện	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 406 - Nguyễn Văn Tráng	0
42	2433	3186	LG303DE01	0100	Seaports management & operate	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 023 - CS Thành Thái	0
43	2433	3165	MIS103DV02	0100	Nhập môn Cơ sở Dữ liệu	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 214 - CS Quang Trung 2	0
44	2433	3229	MK208DE01	0100	Marketing Research	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 303 - Nguyễn Văn Tráng	0
45	2433	2236	MK302DV01	0100	Marketing Quốc tế	T4	15:50:00	18:20:00	Phòng 302 - Nguyễn Văn Tráng	0
46	2433	3235	MK303DE02	0100	Direct & Data DM	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 006 - CS Thành Thái	0
47	2433	3239	MK303DV02	0100	Marketing TT và định hướng DL	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	0
48	2433	3251	MK305DV02	0100	Quản trị kênh Marketing	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 028 - CS Thành Thái	0
49	2433	3249	MK306DE01	0100	Retailing Management	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 205 - Nguyễn Văn Tráng	0
50	2433	3253	MK306DV01	0100	Quản trị Bán lẻ	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	0
51	2433	3255	MK307DV01	0100	Quản trị Sản phẩm	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng 205 - Nguyễn Văn Tráng	0
52	2433	2237	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 604 - Nguyễn Văn Tráng	0
53	2433	2231	MK309DE01	0100	Marketing Management	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 603 - Nguyễn Văn Tráng	0
54	2433	3231	MK312DE01	0100	Media Strategy and Tactics	T5	18:30:00	21:00:00	Phòng 205 - Nguyễn Văn Tráng	0
55	2433	3233	MK312DV01	0100	Ch lược&các chthuật ph/tiện TT	T6	18:30:00	21:00:00	Phòng 205 - Nguyễn Văn Tráng	0
56	2433	2228	MK316DE01	0100	Pricing Strategy	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 402 - Nguyễn Văn Tráng	0
57	2433	2238	MK318DV01	0100	PT truyền thông Marketing XH	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 301 - Nguyễn Văn Tráng	0
58	2433	3245	MK326DV01	0100	Lập KH ĐH nghề Mar c/nghiệp	T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 205 - Nguyễn Văn Tráng	0

STT	Học kỳ	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Thứ	Giờ BD	Giờ KT	PHÒNG - CƠ SỞ HỌC	Sĩ số
59	2433	3247	MK402DE01	0100	B2B Marketing Management	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 205 - Nguyễn Văn Tráng	0
60	2433	3237	MK410DE01	0100	Digital Marketing Analytics	T6	13:00:00	15:30:00	Phòng 404 - Nguyễn Văn Tráng	0
61	2433	3243	MK411DE01	0100	Sales Promotion Management	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 603 - Nguyễn Văn Tráng	0
62	2433	3241	MK411DV01	0100	Quản trị khuyến mãi	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	0
63	2433	1841	PE107DV01	0100	Karatedo	T2	7:00:00	9:30:00	Phòng 401 - CS Quang Trung 2	0
64	2433	2167	PE107DV01	0600	Karatedo	T4	13:00:00	15:30:00	Phòng 401 - CS Quang Trung 2	0
65	2433	1853	PE110DV01	0100	Taekwondo	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 401 - CS Quang Trung 2	0
66	2433	2176	PE110DV01	0500	Taekwondo	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 401 - CS Quang Trung 2	0
67	2433	2180	PE114DV01	0800	Kickboxing	T5	15:50:00	18:20:00	Sân Phú Thọ 2	0
68	2433	2223	PE114DV01	0900	Kickboxing	T7	13:00:00	15:30:00	Sân Phú Thọ 2	0
69	2433	1862	PE115DV01	0100	Marathon	T2	7:00:00	9:30:00	Sân tập RUN 1	0
70	2433	2182	PE115DV01	0400	Marathon	T4	18:30:00	21:00:00	Sân tập RUN 1	0
71	2433	1865	PE119DV01	0200	Muay	T4	13:00:00	15:30:00	Sân Phú Thọ 2	0
72	2433	1867	PE119DV01	0400	Muay	T5	9:50:00	12:20:00	Sân Phú Thọ 3	0
73	2433	2183	PE119DV01	0500	Muay	T4	15:50:00	18:20:00	Sân Phú Thọ 2	0
74	2433	2224	PE119DV01	0600	Muay	T7	9:50:00	12:20:00	Sân Phú Thọ 2	0
75	2433	2082	PE121DV01	2600	Dance Sport	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 301 - CS Thành Thái	0
76	2433	2186	PE121DV01	2800	Dance Sport	T3	9:50:00	12:20:00	Phòng 301 - CS Thành Thái	0
77	2433	2210	PE124DV01	0100	Golf	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng Golf - 824/28Q Sư Vạn Hạnh	0
78	2433	2211	PE124DV01	0200	Golf	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng Golf - 824/28Q Sư Vạn Hạnh	0
79	2433	2212	PE124DV01	0300	Golf	T6	9:50:00	12:20:00	Phòng Golf - 824/28Q Sư Vạn Hạnh	0
80	2433	1872	PE126DV01	0100	Bơi lội	T2	7:00:00	9:30:00	Hồ bơi Rạch Miễu 1	0
81	2433	1873	PE126DV01	0200	Bơi lội	T4	7:00:00	9:30:00	Hồ bơi Rạch Miễu 1	0
82	2433	1874	PE126DV01	0300	Bơi lội	T3	13:00:00	15:30:00	Hồ bơi Rạch Miễu 1	0
83	2433	1875	PE126DV01	0400	Bơi lội	T5	13:00:00	15:30:00	Hồ bơi Rạch Miễu 1	0
84	2433	3190	PSY313DE01	0100	Cognitive Behavioural TherapyI	T3	15:50:00	18:20:00	Phòng 007 - CS Thành Thái	0
85	2433	1230	RM101DE01	0102	F&B Service Operation	T7	7:00:00	9:30:00	Phòng 014 - CS Quang Trung 2	0
86	2433	2110	RM204DV01	0102	Xây dựng Thực đơn	T4	7:00:00	9:30:00	Phòng 015 - CS Quang Trung 2	0
87	2433	3159	RM304DV01	0100	Kỹ thuật làm bánh	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 027 - CS Thành Thái	0
88	2433	3160	RM304DV01	0101	Kỹ thuật làm bánh	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 015 - CS Quang Trung 2	0

STT	Học kỳ	Số hiệu lớp	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Thứ	Giờ BD	Giờ KT	PHÒNG - CƠ SỞ HỌC	Sĩ số
89	2433	2245	SW209DE01	0100	Advanced Programming Technique				XX	0
90	2433	2246	SW209DE01	0101	Advanced Programming Technique				XX	0
91	2433	1248	SW319DE01	0102	Software and System Security	T7	16:40:00	18:20:00	Phòng 034 - CS Thành Thái	0
92	2433	1975	TK451DV04	0100	Đồ án - Thực tập tốt nghiệp	T2T3T4T5T6	7:00:00	16:40:00	Phòng 803 - CS Cao Thắng	0
93	2433	1976	TK452DV01	0100	Đồ án – Thực tập tốt nghiệp	T2T3T4T5T6	7:00:00	16:40:00	XX	0
94	2433	1275	TN312DE02	0100	Design Studio: Lighting Deco	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 302 - CS Cao Thắng	0
95	2433	3180	TN403DE02	0100	Design Studio: Cultural ID	T4	13:00:00	16:40:00	Phòng 204 - CS Cao Thắng	0
96	2433	2239	TO102DV01	0100	Kinh tế học trong DL và KS-NH	T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 115 - CS Quang Trung 2	0
97	2433	3213	TO202DV01	0100	Lịch sử và Văn hóa Việt Nam	T4	9:50:00	12:20:00	Phòng 117 - CS Quang Trung 2	0
98	2433	1282	TO315DE01	0100	English For Tourism 1	T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 306 - Nguyễn Văn Tráng	0
99	2433	1283	TO316DE01	0100	Destination Management	T2	13:00:00	15:30:00	Phòng 407 - Nguyễn Văn Tráng	0
100	2433	1284	TO402DE01	0100	Travel Management	T3	7:00:00	9:30:00	Phòng 303 - Nguyễn Văn Tráng	0
101	2433	3218	TO451DV01	0100	Khóa luận Tốt nghiệp	T2T3T4T5T6	7:00:00	16:40:00	XX	0
102	2433	3257	TT104DV02	0100	Tổng quan về truyền thông	T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 024 - CS Thành Thái	0
103	2433	3259	TT108DV02	0100	Tiếng Việt trong truyền thông	T2	9:50:00	12:20:00	Phòng 029 - CS Thành Thái	0
104	2433	3261	TT109DV01	0100	Truyền thông, văn hóa & xã hội	T2T7	7:00:00	9:30:00	Phòng 019 - CS Thành Thái	0
105	2433	3265	TT205DV02	0100	Quy trình SX sản phẩm TTNN	T5	9:50:00	12:20:00	Phòng 703 - CS Cao Thắng	0
106	2433	3271	TT206DV02	0100	Nội dung và phương tiện TTNN	T3T5	15:50:00	18:20:00	Phòng 008 - CS Thành Thái	0
107	2433	3267	TT214DV02	0100	Kỹ năng viết truyền thông	T3	13:00:00	15:30:00	Phòng 903 - CS Cao Thắng	0
108	2433	3263	TT219DV01	0100	T/cận&cảm thụ TP NT nghe nhìn	T2T5	13:00:00	15:30:00	Phòng 601 - Nguyễn Văn Tráng	0
109	2433	3277	TT305DV02	0100	Hệ thống TBKT & SX phát hành	T2T4	18:30:00	21:00:00	Phòng 050 - CS Thành Thái	0
110	2433	3275	TT309DE01	0100	Quản trị Dự án Truyền thông	T6	13:00:00	16:40:00	Phòng 027 - CS Thành Thái	0
111	2433	3273	TT309DV01	0100	Quản trị Dự án Truyền thông	T2T4	18:30:00	21:00:00	Phòng 205 - Nguyễn Văn Tráng	0
112	2433	3192	TT325DV01	0100	Nội dung phương tiện T/thông	T3T5	7:00:00	9:30:00	Phòng 008 - CS Thành Thái	0
113	2433	3269	TT402DV01	0100	Kinh doanh SP Truyền thông	T2	7:50:00	11:30:00	Phòng 103 - CS Cao Thắng	3
114	2433	2034	TT408DV01	1200	Kỹ thuật Audio và Video	T5T7	9:50:00	12:20:00	Phòng 050 - CS Thành Thái	8

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Trưởng Phòng


Nguyễn Tiến Lập

**DANH SÁCH SINH VIÊN THUỘC LỚP HỌC PHẦN BỊ HỦY
DO SĨ SỐ NHỎ HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025 (MÃ HK: 2433)**

STT	Học kỳ	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớn	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
1	2433	22101231	Ngô Hoàng Quế	Chi	1867	PE119DV01	0400	Muay	
2	2433	22102962	Trương Công	Phú	2214	LAW112DE01	0100	Laws on Com. Entities & Bank.	
3	2433	22112460	Lê Nguyễn Thanh	Lâm	1865	PE119DV01	0200	Muay	
4	2433	22122950	Trịnh Thị Thúy	Nga	2214	LAW112DE01	0100	Laws on Com. Entities & Bank.	
5	2433	22205675	Phạm Bùi Bảo	Kiên	2214	LAW112DE01	0100	Laws on Com. Entities & Bank.	
6	2433	22401024	Nguyễn Minh	Hoàng	2182	PE115DV01	0400	Marathon	
7	2433	22014646	Trần Hoàng	Phúc	1071	DA304DE01	0200	Film Editing	
8	2433	22105294	Nguyễn Bùi Khánh	Linh	1483	GD101DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 1	
9	2433	22115374	Trần Gia Bảo	Vi	1071	DA304DE01	0200	Film Editing	
10	2433	22109439	Võ Trần Kim	Thanh	2153	DA401DE01	0200	Advertising Illustration	
11	2433	22109439	Võ Trần Kim	Thanh	2154	DA401DE01	0201	Advertising Illustration	
12	2433	22200385	Bùi Đình Bắc	Tiến	2082	PE121DV01	2600	Dance Sport	
13	2433	22201674	Nguyễn Nhật	Huy	2082	PE121DV01	2600	Dance Sport	
14	2433	22205320	Phạm Anh	Kỳ	1874	PE126DV01	0300	Boi lội	
15	2433	22100953	Hồ Ngọc Thảo	Nguyên	1483	GD101DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 1	
16	2433	22011548	Vũ Hoàng	Son	1071	DA304DE01	0200	Film Editing	
17	2433	22011131	Đinh Nguyễn Ngọc	Minh	1485	GD202DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 3	
18	2433	22014621	Nguyễn Xuân	Hùng	1485	GD202DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 3	
19	2433	22012377	Nguyễn Lê Văn	Đình	1071	DA304DE01	0200	Film Editing	
20	2433	22008350	Nguyễn Đức	Duy	1485	GD202DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 3	
21	2433	22008868	Trần Thị Phương	Uyên	2153	DA401DE01	0200	Advertising Illustration	
22	2433	22008868	Trần Thị Phương	Uyên	2154	DA401DE01	0201	Advertising Illustration	
23	2433	22009399	Phạm Nhật	Hoàng	1071	DA304DE01	0200	Film Editing	
24	2433	22007611	Trần Bội	Quân	1483	GD101DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 1	
25	2433	22002381	Nguyễn Ngọc Lan	Uyên	2153	DA401DE01	0200	Advertising Illustration	
26	2433	22002381	Nguyễn Ngọc Lan	Uyên	2154	DA401DE01	0201	Advertising Illustration	

STT	Học kỳ	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớn	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
27	2433	22000693	Trần Lý Phương	Vy	2153	DA401DE01	0200	Advertising Illustration	
28	2433	22000693	Trần Lý Phương	Vy	2154	DA401DE01	0201	Advertising Illustration	
29	2433	22000193	Nguyễn Thành	Phong	1867	PE119DV01	0400	Muay	
30	2433	2194553	Nguyễn Hoàng Mỹ	Anh	1071	DA304DE01	0200	Film Editing	
31	2433	2198614	Đỗ Thị Ánh	Thuận	2153	DA401DE01	0200	Advertising Illustration	
32	2433	2198614	Đỗ Thị Ánh	Thuận	2154	DA401DE01	0201	Advertising Illustration	
33	2433	2199016	Nguyễn Ngọc	Thăng	1485	GD202DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 3	
34	2433	2190938	Dương Văn	Son	1071	DA304DE01	0200	Film Editing	
35	2433	2183123	Nguyễn Huỳnh Thế	Dur	2153	DA401DE01	0200	Advertising Illustration	
36	2433	2183123	Nguyễn Huỳnh Thế	Dur	2154	DA401DE01	0201	Advertising Illustration	
37	2433	22107641	Trần Long	Vân	1485	GD202DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 3	
38	2433	22108504	Đào Quốc	Tuấn	1872	PE126DV01	0100	Boi lội	
39	2433	22114385	Lê Thanh	Phong	1483	GD101DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 1	
40	2433	22115603	Nguyễn Trần Thiên	Kim	1483	GD101DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 1	
41	2433	22115034	Đoàn Nguyệt	Minh	1485	GD202DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 3	
42	2433	22116200	Trịnh Lê Công	Tú	1872	PE126DV01	0100	Boi lội	
43	2433	22122783	Nguyễn Thanh	Trúc	2153	DA401DE01	0200	Advertising Illustration	
44	2433	22122783	Nguyễn Thanh	Trúc	2154	DA401DE01	0201	Advertising Illustration	
45	2433	22205667	Huỳnh Văn Quang	Trường	1483	GD101DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 1	
46	2433	22205945	Nguyễn Trường	Huynh	1071	DA304DE01	0200	Film Editing	
47	2433	22205169	Trần Phi	Long	1483	GD101DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 1	
48	2433	22204629	Nguyễn Phúc Tâm	Xuân	1483	GD101DV01	0100	Tin học Chuyên ngành 1	
49	2433	22400571	Nguyễn Phương	Linh	2082	PE121DV01	2600	Dance Sport	
50	2433	22400572	Trương Kim	Yến	1713	LE131DV01	0200	Kỹ năng hội nhập quốc tế	
51	2433	22401552	Trần Mai Thanh	Vy	2082	PE121DV01	2600	Dance Sport	
52	2433	22402415	Phan Đoàn Anh	Tú	1865	PE119DV01	0200	Muay	
53	2433	2190504	Phùng Nguyễn Đoan	Nghi	1282	TO315DE01	0100	English For Tourism 1	
54	2433	2192873	Huỳnh Diệp Yến	Nhi	1284	TO402DE01	0100	Travel Management	
55	2433	2191520	La Như	Linh	1282	TO315DE01	0100	English For Tourism 1	

STT	Học kỳ	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớn	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
56	2433	22002303	Vũ Đỗ Khánh	Linh	1284	TO402DE01	0100	Travel Management	
57	2433	22010947	Huỳnh Phi	Long	1284	TO402DE01	0100	Travel Management	
58	2433	22009670	Cao Hoàng	Châu	1283	TO316DE01	0100	Destination Management	
59	2433	22011390	Phạm Ngọc Khánh	Vy	2242	HM202DV01	0100	Nguyên lý Marketing trg DLKSNH	
60	2433	22103103	Trương Hoàng	Long	1283	TO316DE01	0100	Destination Management	
61	2433	22103103	Trương Hoàng	Long	1284	TO402DE01	0100	Travel Management	
62	2433	22101374	Trương Quốc Chân	Duy	1284	TO402DE01	0100	Travel Management	
63	2433	22119413	Đặng Thiện	Anh	1283	TO316DE01	0100	Destination Management	
64	2433	22123141	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	1284	TO402DE01	0100	Travel Management	
65	2433	22200350	Phan Hoàng Minh	Quân	1282	TO315DE01	0100	English For Tourism 1	
66	2433	22204499	Hồ Hoàng	Gia	1282	TO315DE01	0100	English For Tourism 1	
67	2433	22205941	Đặng Trường	Thắng	1282	TO315DE01	0100	English For Tourism 1	
68	2433	22205615	Trần Quỳnh	Anh	1282	TO315DE01	0100	English For Tourism 1	
69	2433	22207222	Vũ Minh	Trí	1872	PE126DV01	0100	Bơi lội	
70	2433	22207568	Hứa Thanh	Khả	1282	TO315DE01	0100	English For Tourism 1	
71	2433	22207568	Hứa Thanh	Khả	1284	TO402DE01	0100	Travel Management	
72	2433	22102620	Phùng Quốc	Bảo	2233	BA104DE01	0100	Introduction to Management	
73	2433	22109050	Võ Phúc Nhật	An	3175	DM304DV01	0100	Dẫn nhập môn Marketing KTS	
74	2433	22114708	Tân Hoàng Thanh	Vy	2236	MK302DV01	0100	Marketing Quốc tế	
75	2433	22118065	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	1841	PE107DV01	0100	Karatedo	
76	2433	22116945	Lê Thanh	Vy	2236	MK302DV01	0100	Marketing Quốc tế	
77	2433	22205060	Phạm Thanh	Thiên	1875	PE126DV01	0400	Bơi lội	
78	2433	22205018	Huỳnh Bảo	Nghi	2082	PE121DV01	2600	Dance Sport	
79	2433	22200561	Lê Lục	Linh	1875	PE126DV01	0400	Bơi lội	
80	2433	22140212	Đào Hoàng	Nghĩa	3175	DM304DV01	0100	Dẫn nhập môn Marketing KTS	
81	2433	22207614	Lê Nguyễn Hoàng	Hà	3173	DM306DE01	0100	E-Customer RM & Online Str.	
82	2433	22102014	Bùi Mai Hữu	Vinh	2205	IB202DV01	0100	Hội nhập & các Cam kết Quốc tế	
83	2433	22110166	Cao Minh	Quân	3175	DM304DV01	0100	Dẫn nhập môn Marketing KTS	
84	2433	22205631	Nguyễn Đông	Đan	2090	HRM203DE01	0200	Human Resource Management	

STT	Học kỳ	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớn	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
85	2433	22206763	Nguyễn Phúc	Thịnh	1713	LE131DV01	0200	Kỹ năng hội nhập quốc tế	
86	2433	22122718	Nguyễn Văn	Dũng	1862	PE115DV01	0100	Marathon	
87	2433	22204997	Lê Thành	Huy	1713	LE131DV01	0200	Kỹ năng hội nhập quốc tế	
88	2433	22401109	Cao Anh	Khoa	2183	PE119DV01	0500	Muay	
89	2433	2195407	Nguyễn Phước Hoài	Như	1128	HM309DE01	0100	Contemporary Issues in HI	
90	2433	2194106	Trương Nhật	Tân	1128	HM309DE01	0100	Contemporary Issues in HI	
91	2433	2192476	Nguyễn Lê Bảo	Nhi	1128	HM309DE01	0100	Contemporary Issues in HI	
92	2433	2192369	Phạm Hoàng Chiêu	Minh	2242	HM202DV01	0100	Nguyên lý Marketing trg DLKSNH	
93	2433	22001318	Nguyễn Mạnh	Hùng	1875	PE126DV01	0400	Bơi lội	
94	2433	22001318	Nguyễn Mạnh	Hùng	2242	HM202DV01	0100	Nguyên lý Marketing trg DLKSNH	
95	2433	22122744	Lê Phạm Khánh	Đoan	1128	HM309DE01	0100	Contemporary Issues in HI	
96	2433	22119176	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	1128	HM309DE01	0100	Contemporary Issues in HI	
97	2433	22110876	Phan Minh Kim	Phát	1128	HM309DE01	0100	Contemporary Issues in HI	
98	2433	22113706	Nguyễn Ngọc Phương	Quyên	1128	HM309DE01	0100	Contemporary Issues in HI	
99	2433	22109672	Nguyễn Khánh	Vân	1128	HM309DE01	0100	Contemporary Issues in HI	
100	2433	22106639	Phạm Thanh	Trúc	1128	HM309DE01	0100	Contemporary Issues in HI	
101	2433	2191799	Hồ Hoàng	Anh	3148	KT303DE01	0100	Accounting Information System	
102	2433	22300868	Nguyễn Lê	Hiền	2082	PE121DV01	2600	Dance Sport	
103	2433	22300026	Bùi Huy	Nhật	3148	KT303DE01	0100	Accounting Information System	
104	2433	2195360	Nguyễn Hữu Tiến	Đạt	3167	IB301DV01	0100	Đầu tư Quốc tế	
105	2433	22122662	Trần Thị Ngọc	Châu	3186	LG303DE01	0100	Seaports management & operate	
106	2433	22118484	Dương Anh	Duy	3167	IB301DV01	0100	Đầu tư Quốc tế	
107	2433	22118484	Dương Anh	Duy	3186	LG303DE01	0100	Seaports management & operate	
108	2433	22118583	Nguyễn Thị Minh	Thủy	1713	LE131DV01	0200	Kỹ năng hội nhập quốc tế	
109	2433	22113558	Đỗ Minh	Khoa	1716	LE202DV01	0200	Tư duy Phản biện	
110	2433	22112987	Hoàng Thảo	Anh	3186	LG303DE01	0100	Seaports management & operate	
111	2433	22400402	Nguyễn Ngọc Thuý	Tiên	2241	BA108DV01	0100	QT học và Đạo đức kinh doanh	
112	2433	22400381	Trần Thanh	Nam	2241	BA108DV01	0100	QT học và Đạo đức kinh doanh	
113	2433	22402688	Nguyễn Trọng	Thế	1872	PE126DV01	0100	Bơi lội	

STT	Học kỳ	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớn	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
114	2433	22401384	Lê Trần Anh	Huy	1873	PE126DV01	0200	Bơi lội	
115	2433	22402800	Nguyễn Gia	Hưng	2183	PE119DV01	0500	Muay	
116	2433	22403008	Nguyễn Hoàng Châu	Giang	2183	PE119DV01	0500	Muay	
117	2433	22401405	Nguyễn Lữ Đăng	Khoa	2183	PE119DV01	0500	Muay	
118	2433	22400648	Văn Kim	Diễn	1872	PE126DV01	0100	Bơi lội	
119	2433	22011451	Trần Nguyễn Thảo	Nhi	2238	MK318DV01	0100	PT truyền thông Marketing XH	
120	2433	22011763	Tiết Khải	Đông	2237	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
121	2433	22014436	Phạm Gia	Nguyên	2228	MK316DE01	0100	Pricing Strategy	
122	2433	22012386	Trần Ngọc Anh	Duy	2237	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
123	2433	22012487	Đình Duy	Thái	2228	MK316DE01	0100	Pricing Strategy	
124	2433	22103275	Nguyễn Huỳnh Trúc	Thanh	2238	MK318DV01	0100	PT truyền thông Marketing XH	
125	2433	22007704	Vũ Minh	Thủy	3231	MK312DE01	0100	Media Strategy and Tactics	
126	2433	2192173	Đặng Võ Duy	Anh	2182	PE115DV01	0400	Marathon	
127	2433	2185515	Nguyễn Trương Tri	Khương	2223	PE114DV01	0900	Kickboxing	
128	2433	2193242	Nguyễn Vũ Mạnh	Khương	2237	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
129	2433	2198887	Nguyễn Thị Diễm	Phúc	1875	PE126DV01	0400	Bơi lội	
130	2433	22106845	Nguyễn Phạm Quỳnh	Dao	3253	MK306DV01	0100	Quản trị Bán lẻ	
131	2433	22117533	Phùng Bá	Phát	1853	PE110DV01	0100	Taekwondo	
132	2433	22117533	Phùng Bá	Phát	2231	MK309DE01	0100	Marketing Management	
133	2433	22117533	Phùng Bá	Phát	2237	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
134	2433	22117533	Phùng Bá	Phát	2238	MK318DV01	0100	PT truyền thông Marketing XH	
135	2433	22117463	Trần Thanh	Thảo	2238	MK318DV01	0100	PT truyền thông Marketing XH	
136	2433	22114444	Võ Minh	Hoàng	3255	MK307DV01	0100	Quản trị Sản phẩm	
137	2433	22114961	Lê Thị Mỹ	Duyên	3251	MK305DV02	0100	Quản trị kênh Marketing	
138	2433	22206088	Phạm Hoàng	Dìn	2082	PE121DV01	2600	Dance Sport	
139	2433	22140266	Lê Nguyễn An	Khánh	2238	MK318DV01	0100	PT truyền thông Marketing XH	
140	2433	22201089	Nguyễn Phúc	Vinh	1875	PE126DV01	0400	Bơi lội	
141	2433	22203815	Trần Tuấn	Kiệt	1716	LE202DV01	0200	Tư duy Phân biện	
142	2433	22300110	Nguyễn Huyền	Địu	1713	LE131DV01	0200	Kỹ năng hội nhập quốc tế	
143	2433	22206263	Phạm Thị Anh	Thư	1716	LE202DV01	0200	Tư duy Phân biện	
144	2433	2180031	Nguyễn Trần Thiên	Khôi	1862	PE115DV01	0100	Marathon	
145	2433	2190108	Vương Bảo	Hoàng	1874	PE126DV01	0300	Bơi lội	

STT	Học kỳ	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớn	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
146	2433	22109645	Hồ Đặng Hoài	An	3159	RM304DV01	0100	Kỹ thuật làm bánh	
147	2433	22109645	Hồ Đặng Hoài	An	3160	RM304DV01	0101	Kỹ thuật làm bánh	
148	2433	22111055	Trần Hoàng Phương	Y	1875	PE126DV01	0400	Boi lội	
149	2433	22014657	Đặng Thế	Quyên	1713	LE131DV01	0200	Kỹ năng hội nhập quốc tế	
150	2433	22005474	Trần Nguyễn Mai Ngọc	Đức	2089	HRM308DV01	0100	Kinh tế nguồn Nhân lực	
151	2433	22004318	Huỳnh Công	Thành	2089	HRM308DV01	0100	Kinh tế nguồn Nhân lực	
152	2433	22000673	Nguyễn Huỳnh Nhã	Linh	2089	HRM308DV01	0100	Kinh tế nguồn Nhân lực	
153	2433	22122796	Nguyễn Nữ Linh	Kha	2089	HRM308DV01	0100	Kinh tế nguồn Nhân lực	
154	2433	22110758	Vũ Thị Thùy	Trang	2089	HRM308DV01	0100	Kinh tế nguồn Nhân lực	
155	2433	22200001	Trần Hà Tường	Vy	1713	LE131DV01	0200	Kỹ năng hội nhập quốc tế	
156	2433	22140187	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Châu	2089	HRM308DV01	0100	Kinh tế nguồn Nhân lực	
157	2433	22009538	Mai Văn	Khoa	3227	IB201DE02	0100	International Trade	
158	2433	22011759	Phạm Thị Kiều	Phuong	2152	IB402DE01	0200	Import-Export Management	
159	2433	22012002	Lê Thiên	Trưởng	2232	BA102DE01	0100	Macroeconomics	
160	2433	22011295	Lưu Tấn	Tài	2224	PE119DV01	0600	Muay	
161	2433	22117248	Phạm	Duy	2205	IB202DV01	0100	Hội nhập & các Cam kết Quốc tế	
162	2433	22117995	Trương Thị Thanh	Trúc	2205	IB202DV01	0100	Hội nhập & các Cam kết Quốc tế	
163	2433	22108833	Ngô Thái	Liên	2152	IB402DE01	0200	Import-Export Management	
164	2433	22106575	Đỗ Phước	Hậu	2152	IB402DE01	0200	Import-Export Management	
165	2433	22111101	Nguyễn Ngọc	Tường	3167	IB301DV01	0100	Đầu tư Quốc tế	
166	2433	22122980	Nguyễn Thành	Nam	3167	IB301DV01	0100	Đầu tư Quốc tế	
167	2433	22122956	Võ Minh	Anh	3227	IB201DE02	0100	International Trade	
168	2433	22123062	Nguyễn Vũ Hoài	Nam	2205	IB202DV01	0100	Hội nhập & các Cam kết Quốc tế	
169	2433	22123062	Nguyễn Vũ Hoài	Nam	3253	MK306DV01	0100	Quản trị Bán lẻ	
170	2433	22200447	Nguyễn Hà Gia	Khiêm	2152	IB402DE01	0200	Import-Export Management	
171	2433	22206722	Trần Đặng Diệu	An	1853	PE110DV01	0100	Taekwondo	
172	2433	22206773	Đỗ Trần Diệp	Anh	1875	PE126DV01	0400	Boi lội	
173	2433	22207144	Uông Gia	Bảo	1853	PE110DV01	0100	Taekwondo	
174	2433	22300008	Trần Thị Khánh	Linh	2205	IB202DV01	0100	Hội nhập & các Cam kết Quốc tế	
175	2433	22301439	Nguyễn Minh	Hạnh	2152	IB402DE01	0200	Import-Export Management	
176	2433	22301439	Nguyễn Minh	Hạnh	2205	IB202DV01	0100	Hội nhập & các Cam kết Quốc tế	
177	2433	22301853	Trần Ngọc Thanh	Trúc	2241	BA108DV01	0100	QT học và Đạo đức kinh doanh	
178	2433	22304074	Lưu Ngọc Quỳnh	Như	2152	IB402DE01	0200	Import-Export Management	

STT	Học kỳ	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớn	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
179	2433	22304040	Đặng Minh	Sang	2205	IB202DV01	0100	Hội nhập & các Cam kết Quốc tế	
180	2433	22001655	Nguyễn Văn	Anh	1248	SW319DE01	0102	Software and System Security	
181	2433	22112865	Lê Hoàng	Duy	1841	PE107DV01	0100	Karatedo	
182	2433	22200026	Lê Hoàng	Minh	1248	SW319DE01	0102	Software and System Security	
183	2433	22206381	Nguyễn Lâm Dương	Khang	1713	LE131DV01	0200	Kỹ năng hội nhập quốc tế	
184	2433	22401342	Võ Châu	Tuấn	2167	PE107DV01	0600	Karatedo	
185	2433	22403080	Nguyễn Trần Nhật	Phương	1713	LE131DV01	0200	Kỹ năng hội nhập quốc tế	
186	2433	22114804	Nguyễn Như Anh	Thư	2237	MK308DV03	0100	QT truyền thông Mkt. tích hợp	
187	2433	22207766	Châu Bảo	Uyên	1867	PE119DV01	0400	Muay	
188	2433	22011275	Lý Tấn	Quang	1248	SW319DE01	0102	Software and System Security	
189	2433	22122478	Huỳnh Quang	Vinh	1248	SW319DE01	0102	Software and System Security	
190	2433	22500058	Nguyễn Vũ Ngọc	Hoàng	1716	LE202DV01	0200	Tư duy Phân biện	
191	2433	22402902	Đoàn Liêng	Thành	2182	PE115DV01	0400	Marathon	
192	2433	22401447	BRUNEL	Linh	1284	TO402DE01	0100	Travel Management	
193	2433	22403601	HENRY	Pauline	1283	TO316DE01	0100	Destination Management	
194	2433	22012022	Nguyễn Phát Vinh	My	1875	PE126DV01	0400	Bơi lội	
195	2433	22012444	Võ Thị Kim	Chi	1716	LE202DV01	0200	Tư duy Phân biện	
196	2433	22012374	Nguyễn Hữu Khang	Thịnh	1867	PE119DV01	0400	Muay	
197	2433	22204865	Huỳnh Thanh Thuý	Tiên	2082	PE121DV01	2600	Dance Sport	
198	2433	22200279	Đỗ Quang	Duy	1716	LE202DV01	0200	Tư duy Phân biện	
199	2433	22207040	Đỗ Minh	Trí	1713	LE131DV01	0200	Kỹ năng hội nhập quốc tế	
200	2433	22207129	Tăng Đặng Gia	Bảo	1865	PE119DV01	0200	Muay	
201	2433	22011542	Trần Khánh	Lam	1283	TO316DE01	0100	Destination Management	
202	2433	22100337	Nguyễn Hoàng	Anh	2205	IB202DV01	0100	Hội nhập & các Cam kết Quốc tế	
203	2433	22122592	Đinh Khánh	Hân	1867	PE119DV01	0400	Muay	
204	2433	22117821	Phan Xuân	Quý	1867	PE119DV01	0400	Muay	
205	2433	22302090	Lâm Vân	Nghi	2241	BA108DV01	0100	QT học và Đạo đức kinh doanh	
206	2433	22303944	Ngô Tấn	Mạnh	2241	BA108DV01	0100	QT học và Đạo đức kinh doanh	
207	2433	22400372	Diệp Trương Khánh	Nhi	2241	BA108DV01	0100	QT học và Đạo đức kinh doanh	
208	2433	22400386	Huỳnh Ngọc Khôi	Nguyễn	2241	BA108DV01	0100	QT học và Đạo đức kinh doanh	
209	2433	22401923	Nguyễn Hồng	Phước	2212	PE124DV01	0300	Golf	
210	2433	22000288	Đinh Quang	Trung	3190	PSY313DE01	0100	Cognitive Behavioural TherapyI	
211	2433	22204637	Phạm Hồng Lan	Chi	3190	PSY313DE01	0100	Cognitive Behavioural TherapyI	

STT	Học kỳ	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớn	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
212	2433	22204847	Trương Thụy Đình	Kiều	3190	PSY313DE01	0100	Cognitive Behavioural TherapyI	
213	2433	22300021	Bùi Hoàng	Anh	1713	LE131DV01	0200	Kỹ năng hội nhập quốc tế	
214	2433	22402895	Chen Guan	Yan	2183	PE119DV01	0500	Muay	
215	2433	22012209	Hoàng Trọng	Giàu	1275	TN312DE02	0100	Design Studio: Lighting Deco	
216	2433	2170264	Ngô Đình Khả	Vi	3180	TN403DE02	0100	Design Studio: Cultural ID	
217	2433	2192855	Lê Thảo	My	1275	TN312DE02	0100	Design Studio: Lighting Deco	
218	2433	22000430	Vũ Đặng Tường	Vy	1275	TN312DE02	0100	Design Studio: Lighting Deco	
219	2433	22114337	Lê Nguyễn Ngọc	Anh	3180	TN403DE02	0100	Design Studio: Cultural ID	
220	2433	22115226	Lê Bá Ngọc	Ngân	1275	TN312DE02	0100	Design Studio: Lighting Deco	
221	2433	22204856	Nguyễn Công	Thành	1874	PE126DV01	0300	Boi lội	
222	2433	22202197	Mai Bạch Trường	Giang	1874	PE126DV01	0300	Boi lội	
223	2433	22200353	Phạm Vinh Thị	Huyền	1275	TN312DE02	0100	Design Studio: Lighting Deco	
224	2433	22104912	Nguyễn Phương	Như	3277	TT305DV02	0100	Hệ thống TBKT & SX phát hành	
225	2433	22006766	Phan Kiều	Oanh	3233	MK312DV01	0100	Ch lược&các chthuật ph/tiện TT	
226	2433	22006766	Phan Kiều	Oanh	3277	TT305DV02	0100	Hệ thống TBKT & SX phát hành	
227	2433	22002258	Đoàn Đỗ Phương	Uyên	3233	MK312DV01	0100	Ch lược&các chthuật ph/tiện TT	
228	2433	22002258	Đoàn Đỗ Phương	Uyên	3269	TT402DV01	0100	Kinh doanh SP Truyền thông	
229	2433	22000789	Nguyễn Lê Anh	Thư	3267	TT214DV02	0100	Kỹ năng viết truyền thông	
230	2433	22000789	Nguyễn Lê Anh	Thư	3273	TT309DV01	0100	Quản trị Dự án Truyền thông	
231	2433	22000720	Huỳnh Phương Gia	Bảo	3233	MK312DV01	0100	Ch lược&các chthuật ph/tiện TT	
232	2433	2183833	Nguyễn Hoàng	Huy	3231	MK312DE01	0100	Media Strategy and Tactics	
233	2433	2190231	Phạm Phối	Như	1716	LE202DV01	0200	Tư duy Phản biện	
234	2433	22011592	Trần Nguyễn Nhật	Quang	3233	MK312DV01	0100	Ch lược&các chthuật ph/tiện TT	
235	2433	22014785	Diệp Tổ	Nga	3269	TT402DV01	0100	Kinh doanh SP Truyền thông	
236	2433	22014999	Đặng Nguyễn Xuân	Mai	3269	TT402DV01	0100	Kinh doanh SP Truyền thông	
237	2433	22100195	Vũ Thùy	Dương	3277	TT305DV02	0100	Hệ thống TBKT & SX phát hành	
238	2433	22118426	Bùi Quang	Huy	3277	TT305DV02	0100	Hệ thống TBKT & SX phát hành	
239	2433	22113891	Phạm Thị Quỳnh	Anh	2183	PE119DV01	0500	Muay	
240	2433	22112444	Nguyễn Yến	Nhi	3265	TT205DV02	0100	Quy trình SX sản phẩm TTNN	
241	2433	22112444	Nguyễn Yến	Nhi	3275	TT309DE01	0100	Quản trị Dự án Truyền thông	
242	2433	22111518	Lê Hiếu	Yến	2243	GD209DV01	0100	Tư duy Thiết kế	
243	2433	22111084	Huỳnh Lê Trúc	Anh	3277	TT305DV02	0100	Hệ thống TBKT & SX phát hành	
244	2433	22108172	Lê Thanh	Khôi	3265	TT205DV02	0100	Quy trình SX sản phẩm TTNN	

STT	Học kỳ	MSSV	Họ lót	Tên	Số hiệu lớn	Mã học phần	Lớp	Tên học phần	Ghi chú
245	2433	22200131	Tăng Ái	Linh	3275	TT309DE01	0100	Quản trị Dự án Truyền thông	
246	2433	22200401	Nguyễn Đình Bảo	Quang	3271	TT206DV02	0100	Nội dung và phương tiện TTNN	
247	2433	22204729	Đỗ Vĩ	Tiến	3271	TT206DV02	0100	Nội dung và phương tiện TTNN	
248	2433	22300493	Trương Nhật Thanh	Minh	2034	TT408DV01	1200	Kỹ thuật Audio và Video	
249	2433	22300768	Hàng Ái	Minh	2034	TT408DV01	1200	Kỹ thuật Audio và Video	
250	2433	22300955	Tạ Duy	Minh	2034	TT408DV01	1200	Kỹ thuật Audio và Video	
251	2433	22302093	Lê Gia	Nghi	2034	TT408DV01	1200	Kỹ thuật Audio và Video	
252	2433	22301691	Nguyễn Huỳnh Trà	My	2034	TT408DV01	1200	Kỹ thuật Audio và Video	
253	2433	22301241	Nguyễn Trà	My	2034	TT408DV01	1200	Kỹ thuật Audio và Video	
254	2433	22303890	Lê Đức	Mạnh	2034	TT408DV01	1200	Kỹ thuật Audio và Video	
255	2433	22303344	Đỗ Tuấn	Kiệt	2034	TT408DV01	1200	Kỹ thuật Audio và Video	
256	2433	22014680	Bùi Cao Thanh	Hà	2235	BA309DV01	0100	ERP trong kinh doanh	
257	2433	2190361	Trần Đình	Khang	2229	BA204DE01	0100	Change Management	
258	2433	2191891	Nguyễn Huỳnh Phương	Quỳnh	2090	HRM203DE01	0200	Human Resource Management	
259	2433	2190464	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhi	2090	HRM203DE01	0200	Human Resource Management	
260	2433	2190464	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhi	2229	BA204DE01	0100	Change Management	
261	2433	22103967	Trần Kiều Diễm	Quỳnh	2235	BA309DV01	0100	ERP trong kinh doanh	
262	2433	22110996	Lê Hồ Gia	Bảo	2232	BA102DE01	0100	Macroeconomics	
263	2433	22116324	Thái Phan Thiên	Phú	1872	PE126DV01	0100	Bơi lội	
264	2433	22115169	Đặng Khánh	Trang	1873	PE126DV01	0200	Bơi lội	
265	2433	22115026	Cao Hồng	Cầm	2235	BA309DV01	0100	ERP trong kinh doanh	
266	2433	22204291	Bùi Quốc	Toàn	2232	BA102DE01	0100	Macroeconomics	
267	2433	22207252	Phan Thanh	Văn	1872	PE126DV01	0100	Bơi lội	
268	2433	22207597	Huỳnh Kim	Nhi	2234	BA401DV01	0100	Quản trị Cung ứng	
269	2433	22402118	Võ Thiện Gia	Nghi	2212	PE124DV01	0300	Golf	
270	2433	22006978	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	2089	HRM308DV01	0100	Kinh tế nguồn Nhân lực	
271	2433	2191650	Tiêu Anh Cát	Tường	2090	HRM203DE01	0200	Human Resource Management	

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Trưởng Phòng

Nguyễn Tiến Lập

